

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Viện

Ông Nguyễn Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 29-3-2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-7-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22-3-2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 05-11-2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị K thường xuyên chửi bới, có lần tát anh, không có sự tôn trọng đối với anh. Mặc dù vợ chồng nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Mâu thuẫn tình cảm

vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm gì đến nhau. Hiện nay mỗi người đều có cuộc sống riêng, ai làm người đó ăn, độc lập với nhau về kinh tế, không quan hệ tình cảm. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh và chị K có 03 con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 25-11-1993 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-7-2000 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị M, sinh ngày 11-7-2008. Ly hôn, anh đề nghị giao con chung M cho anh trực tiếp nuôi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-4-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị K trình bày: Chị thống nhất ý kiến như anh T về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 01- 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ giữa tháng 02-2018 đến nay, có lần chị và anh T có đánh chửi nhau. Việc mâu thuẫn giữa chị và anh T gia đình hai bên đều biết, khuyên giải nhưng không thành. Nguyên nhân là do anh T sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về ruồng rẫy vợ con nên xảy ra cãi vã, xô xát, có lần trong lúc nóng giận chị đã tát anh T. Sau khi vợ chồng xảy ra cãi vã, anh T rất ít khi về nhà, hiện nay vợ chồng sống ly thân. Nguyên vọng của chị là mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp anh T kiên quyết ly hôn, chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 25-11-1993 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-7-2000 đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; Nguyễn Thị M, sinh ngày 11-7-2008. Trường hợp anh T kiên quyết ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung M. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K, thể hiện: Do anh T, chị K có mâu thuẫn nên từ năm 2016 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Nguyên nhân do anh T là lái xe taxi thường xuyên vắng nhà, chị K là lao động tự do, vợ chồng kinh tế độc lập, ai làm ngườiấy tiêu, không ai quan tâm đến ai dẫn đến tình cảm dần xa cách nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, có lần chị K đánh, tát anh T. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị có ba con chung.

Tại phiên tòa, anh T khai phù hợp như nội dung nêu trên và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị K vì tình cảm anh

dành cho chị đã hết, sống chung chỉ làm khổ nhau; hai con chung là Nguyễn Việt B và Nguyễn Thị Th đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết; anh đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị M cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung. Chị K thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn kéo dài, hiện sống ly thân nhưng chị vẫn muốn anh chị đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, trường hợp anh kiên quyết ly hôn chị tôn trọng quyết định của anh T và đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị M cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ vụ của mình theo đúng quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn giữa anh T và chị K rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn chị K; về con chung: Hai con chung là Nguyễn Việt B và Nguyễn Thị Th đã đủ 18 tuổi nên không đặt vấn đề giải quyết; giao con chung Nguyễn Thị M cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, tuyên quyền kháng cáo và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Nguyễn Văn T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Hoàng Thị K tại Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn. Bị đơn là chị K có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Về hôn nhân:

[2] Anh Nguyễn Văn T và chị Hoàng Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng ngày 05-11-2003 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Lời khai của anh T, chị K tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, nên từ năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nguyên nhân mâu thuẫn, anh T trình bày do chị K thường xuyên chửi bới, đánh đập, không có sự tôn trọng đối với anh; chị K trình bày do anh T sống không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác rồi về ruồng rẫy vợ con nên xảy ra cãi vã, xô xát, có lần trong lúc nóng giận chị có đánh, tát anh T. Chị K cũng thừa nhận quan hệ hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại; hai bên đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng; không còn thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và giúp đỡ nhau.

[4] Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T, chị K vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng; những bất đồng vẫn không được thu hẹp; anh T vẫn kiên quyết ly hôn chị K với lý do vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, ly thân đã lâu; chị K mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì anh chị đã nhiều tuổi và có 3 con chung, trường hợp anh T kiên quyết ly hôn chị đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Anh T và chị K đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[6] Về con chung: Anh T và chị K có 03 con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 25-11-1993 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-7-2000 đã đủ 18 tuổi; Nguyễn Thị M, sinh ngày 11-7-2008. Anh chị thống nhất đề nghị giao con chung M cho chị K trực tiếp nuôi và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách nhiệm như nhau, để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, nguyện vọng của con cũng như thỏa thuận về việc nuôi con khi ly hôn giữa anh chị nên cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung M cho chị K trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi; nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Anh T và chị K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Anh T và chị K có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị K.

2. Về con chung:

2.1. Hai con chung là Nguyễn Việt B, sinh ngày 25-11-1993 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 25-7-2000 đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

2.2. Giao con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 11-7-2008 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh T và chị K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hoặc cho đến khi anh T và chị K có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0006798 ngày 29-3-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THA dân sự quận Đồ Sơn;
- Đương sự;
- UBND phường B, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng